

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 17/01/2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST- KDTM, ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Số A đường N, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú S, chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc, địa chỉ: Số C đường P, phường E, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Minh T, địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/9/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Phú S trình bày:

Ngày 20/09/2023, Công ty cổ phần X - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty X) và H kinh doanh Trần Thị Bích N (gọi tắt là bà N) có tiến hành ký kết

Hợp đồng mua bán số C004796/HĐBH/2023, theo đó Công ty X cung cấp xi măng cho bà N theo đơn đặt hàng và bà N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty X trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn hàng cuối cùng bà N nhận là ngày 08/06/2024, đã quá thời hạn thanh toán 69 ngày. Tính đến 08/06/2024, bà N đã xác nhận số tiền còn nợ Công ty X theo sổ đối chiếu công nợ hàng tháng khoản tiền 149.550.000 đồng. Công ty X đã nhiều lần liên lạc và đến gặp trực tiếp bà N để thu hồi công nợ nhưng bà N không có thiện chí thanh toán. Như vậy, bà N đã không thực hiện đúng cam kết về thời gian và số tiền phải thanh toán và không có thái độ hợp tác về việc thanh toán khoản nợ nêu trên.

Nay Công ty cổ phần X yêu cầu giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ Phần X số tiền hàng còn nợ là: 149.550.000 đồng.

2. Buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ phần X tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh tính từ ngày 30/06/2024 đến 06/09/2024 với lãi suất 20%/năm số tiền tạm tính là: 7.154.979 đồng.

Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 156.704.979 đồng.

Tại phiên toà đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ phần X tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh tính từ ngày 30/06/2024 đến 17/01/2025 với lãi suất 20%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ phần X tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh tạm tính từ ngày 30/06/2024 đến 17/01/2025 với lãi suất 10%/năm và tiếp tục tính lãi với lãi suất 10%/năm cho đến khi bị đơn trả tất nợ.

Trong quá trình giải vụ án đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Minh T trình bày: Bị đơn có ký hợp đồng mua bán với nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán số C004796/HĐBH/2023 ngày 20/9/2023, sau đó hai bên có thoả thuận miệng giao hàng nợ gô đầu từ 01 đến 02 xà lan với khối lượng hàng là 900 bao xi măng thành tiền là 59.850.000 đồng, sau đó phía bị đơn có nợ lại nguyên đơn hơn 02 xà lan hàng với số tiền 149.550.000 đồng tính đến ngày 08/6/2024, hiện nay phía bị đơn vẫn thừa nhận số nợ và lãi là 156.704.979 đồng, tuy nhiên do hai bên vẫn còn thực hiện việc mua bán, phía bị đơn chỉ nợ lại thời gian kéo dài do chưa bán hết hàng nhưng công ty đã khởi kiện nên phía bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Còn nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi nợ thì bị đơn yêu cầu được trả mỗi tháng 10 triệu cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn đã thực hiện

đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N trả số tiền hàng còn nợ và tiền lãi là 158.556.154 đồng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí và trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Minh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán là chưa chính xác vì đây là tranh phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại mua bán hàng hoá. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

[3] Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ phần X tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh tính từ ngày 30/06/2024 đến 17/01/2025 với lãi suất 20%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N thanh toán cho Công ty Cổ phần X tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh tạm tính từ ngày 30/06/2024 đến 17/01/2025 với lãi suất 10%/năm và tiếp tục tính lãi với lãi suất 10%/năm cho đến khi bị đơn trả tất nợ. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự thì sự thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N trả số tiền hàng còn nợ số tiền 149.550.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng là 149.550.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Do đó đây là tình tiết, sự việc không cần chứng minh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định bị đơn bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N còn nợ nguyên đơn Công ty cổ phần X số tiền hàng 149.550.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán.

[5] Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán hàng hoá là tự nguyện được xác định là hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại, được pháp luật bảo vệ. Do đó nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao hàng hoá là xi măng cho bên mua là bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh

Trần Thị Bích N. Phía bị đơn đã nhận đủ hàng hoá do nguyên đơn chuyển giao để phục vụ việc kinh doanh nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn và còn nợ số tiền hàng 149.550.000 đồng và tiền lãi là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hàng 149.550.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Thấy rằng đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,027%/ngày) là thấp hơn lãi theo thoả thuận 0,1%/ngày trong hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn nên phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính từ ngày 30/6/2024 đến ngày 17/01/2025 là 06 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng (10%/năm) x 149.550.000 đồng là 8.192.349 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ cần buộc bị đơn thanh toán là 149.550.000 đồng + 8.192.349 đồng = 157.742.349 đồng.

[7] Đối với yêu cầu của bị đơn được trả dần số tiền còn nợ cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Yêu cầu này của bị đơn sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí: Nguyên đơn Công ty cổ phần X không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.887.117 đồng.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X. Buộc bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần X số tiền 157.742.349 đồng, trong đó nợ gốc là 149.550.000 đồng, lãi chậm thanh toán 8.192.349 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Bích N – Chủ hộ kinh doanh Trần Thị Bích N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.887.117 đồng. Nguyên đơn Công ty cổ phần X không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 3.917.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008257 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiệm